

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình:
Tu bổ, nâng cấp Khu lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 30/10/2013 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Tu bổ, nâng cấp Khu lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công;

Theo Công văn số 6138/UBND-NC ngày 14/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 114/TTr-STC ngày 31/3/2022 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 570/BC-STC ngày 16/3/2022 của Sở Tài chính và phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 7467/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Núi Thành).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Tu bổ, nâng cấp Khu lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công.
2. Địa điểm: xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
3. Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
4. Thời gian khởi công: 18/7/2014; hoàn thành: 25/7/2018.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

- a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 76.203.380.000 đồng.
- b) Nguồn vốn đầu tư: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương 50.000.000.000 đồng; vốn ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.
- c) Vốn đầu tư đã thực hiện:
- Vốn đầu tư đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2020: 56.580.139.522 đồng (gồm: vốn ngân sách Trung ương: 49.796.000.000 đồng, vốn ngân sách tỉnh: 6.784.139.522 đồng).
 - Thu hồi nộp NSNN theo kết luận của Thanh tra tỉnh: 25.273.000 đồng.
 - Kế hoạch vốn năm 2021-2022: không bố trí.

2. Chi phí đầu tư:

	Tổng dự toán công trình được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
Tổng số	76.203.368.000	58.763.437.511

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Nội dung	Tài sản Chủ đầu tư quản lý, sử dụng (đồng)
Tổng cộng	58.763.437.511
1. Tài sản dài hạn (cố định)	58.321.705.813
2. Tài sản ngắn hạn	441.731.698

4. Chi phí đầu tư bị thiệt hại không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch):

a) Được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư công trình Tu bổ, nâng cấp Khu lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công, số tiền: 58.763.437.511 đồng và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- Tổng nợ phải thu: 385.418.983 đồng;
- Tổng nợ phải trả: 2.593.989.972 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục I đính kèm)

b) Thực hiện thu hồi nộp ngân sách Nhà nước, số tiền: 385.418.983 đồng. Đồng thời, làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để thanh toán công nợ, số tiền: 2.593.989.972 đồng.

c) Rút kinh nghiệm trong việc chậm trễ lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo thời gian quy định của Bộ Tài chính.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi tăng giá trị tài sản hình thành sau đầu tư, với số tiền: 58.763.437.511 đồng; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản và quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

(Chi tiết Danh mục tài sản theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
Công trình: Tu bổ, nâng cấp Khu lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công

(Kèm theo Quyết định số: 939/QĐ-UBND ngày 07 / 4 /2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán	
					Phải trả	Phải thu
	Tổng số		58.763.437.511	56.554.866.522	2.593.989.972	385.418.983
1	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	Gói thầu: Thi công tu bổ khu hiện trạng	2.864.568.000	3.134.768.000		270.200.000
		Gói thầu: Thi công xây lắp Khu lưu niệm mở rộng	20.999.550.900	20.620.000.000	379.550.900	
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Quảng Nam Việt	Gói thầu: Thi công xây lắp Đường vào khu lưu niệm (Nhà thầu chính)	5.327.009.700	5.006.000.000	321.009.700	
3	Công ty CP đầu tư và xây dựng Vina Asphalt	Gói thầu: Thi công xây lắp Đường vào khu lưu niệm (Nhà thầu phụ)	6.284.942.000	5.585.950.000	698.992.000	
4	Công ty Cổ phần Chiếu sáng và Xây dựng Đô thị Quảng Nam	Gói thầu: Thi công xây lắp điện chiếu sáng	905.189.000	859.900.000	45.289.000	
5	Viện sinh thái và Bảo vệ công Trình	Gói thầu: Thi công chống mối mọt khu hiện trạng	367.672.000	316.340.000	51.332.000	
		Gói thầu: Thi công chống mối mọt khu mở rộng	415.089.500	328.125.000	86.964.500	
6	Liên doanh Cty TNHH MTV Nam Hoàng và Cty TNHH Xây lắp điện Hoàng Linh	Gói thầu: Thi công Cây xanh, thảm cỏ khu hiện trạng	2.124.184.000	1.930.472.000	193.712.000	
		Gói thầu: Thi công Cây xanh, thảm cỏ khu mở rộng	2.333.946.900	2.443.597.000		109.650.100
7	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật PCCC An Bảo Phát	Gói thầu: Thi công lắp đặt thiết bị Phòng cháy chữa cháy	1.001.307.641	841.697.000	159.610.641	

8	Cty TNHH Xây dựng DANAFIX	Gói thầu: Thi công cung cấp và lắp đặt trang thiết bị nội thất, trưng bày hiện vật	5.027.852.317	4.657.807.000	370.045.317	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam	Quản lý dự án	755.956.258	714.844.259	41.111.999	
10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam		201.896.000	181.700.000	20.196.000	
11	Công ty TNHH TVXD Bạch Đằng	Khảo sát địa chất	479.562.000	455.585.000	23.977.000	
		Tư vấn thiết kế công trình giao thông	196.833.000	186.954.000	9.879.000	
12	Công ty CPXD TM và DV Hoàng Quốc	Hợp đồng đo vẽ hiện trạng, lập dự án	200.145.000	190.138.000	10.007.000	
		Hợp đồng Tư vấn lập quy hoạch tổng mặt bằng Tỷ lệ 1/500	69.858.000	66.365.000	3.493.000	
13	Công ty CP Tư vấn Di tích Trung ương - Vinaremon	Tư vấn thiết kế công trình dân dụng	1.027.401.112	1.004.380.000	23.021.112	
		Tư vấn thiết kế cây xanh tạo cảnh quan	146.521.000	143.762.000	2.759.000	
14	Trung tâm Bảo tồn Di tích và Di sản Kiến trúc	Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công dự toán CT giao thông và CT dân dụng	124.199.000	121.068.000	3.131.000	
15	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Lập	HĐ lập HSMT công trình hiện trạng	7.907.000	7.907.000	0	
16	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Quảng Nam	HĐ lập HSMT gói thi công XL khu lưu niệm mở rộng	39.743.000	39.743.000	0	
		HĐ lập HSMT gói thi công XL và lắp đặt thiết bị PCCC	2.133.000	2.133.000	0	
		HĐ lập HSMT gói cây xanh thảm cỏ khu lưu niệm mở rộng	4.724.000	4.724.000	0	
		HĐ lập HSMT gói cây xanh thảm cỏ khu hiện trạng	4.292.000	4.292.000	0	
17	Công ty TNHH XD và TV Kiến Trúc Mộc Văn Hà	Hợp đồng giám sát thi công khu hiện	61.798.000	67.365.881		5.567.881
		Hợp đồng giám sát thi công khu lưu niệm mở rộng	447.869.000	425.475.000	22.394.000	
		HĐ giám sát cây xanh thảm cỏ khu hiện trạng	44.725.000	41.777.469	2.947.531	
		HĐ giám sát cây xanh thảm cỏ khu mở rộng	47.259.000	41.000.000	6.259.000	

18	Công ty TNHH XD và Tư vấn Viễn Thông Việt Phương	HĐ giám sát HM: XI và lắp đặt thiết bị PCCC	21.954.000	18.731.391	3.222.609	
19	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Quảng Nam	HĐ lập HSMT Đường vào khu lưu niệm	23.451.000	23.451.000	0	
20	Công ty TNHH MTV Xây dựng 150	Hợp đồng giám sát Đường vào khu lưu	270.989.963	257.006.000	13.983.963	
21	Công ty CP Tâm Giao	HĐ lập HSMT trang thiết bị nội thất, trưng bày hiện vật	9.189.000	9.189.000	0	
22	Công ty CP phòng trừ mối Việt Nam	HĐ TVGS chống mối một khu hiện trạng	7.741.000	7.741.000	0	
		HĐ TVGS chống mối một khu mở rộng	9.045.900	0	9.045.900	
23	Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Quảng Nam	Hợp đồng TVGS Trang thiết bị nội thất, trưng bày hiện vật	96.603.000	64.000.000	32.603.000	
24	Công ty BH Bảo Long Đà Nẵng	Hợp đồng Bảo hiểm công trình hiện trạng	8.500.000	8.500.000	0	
		HĐ bảo hiểm khu lưu niệm mở rộng	42.723.000	42.723.000	0	
		HĐ bảo hiểm PCCC	2.293.000	2.293.000	0	
25	Công ty CP bảo hiểm hàng không - chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng bảo hiểm Đường vào khu lưu niệm	25.210.000	25.210.000	0	
26	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA	Hợp đồng kiểm toán	121.023.000	117.618.200	3.404.800	
27	Sở Xây dựng Quảng Nam	Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	8.000.000	8.000.000	0	
28	Sở Tài chính Quảng Nam	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	56.047.000	0	56.047.000	
29	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Núi Thành	Bồi thường GPMB	6.491.186.320	6.491.187.322		1.002
30	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA	Kiểm toán hạng mục đền bù GPMB	47.003.000	47.003.000	0	
31	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Núi Thành	Thẩm tra quyết toán hạng mục đền bù GPMB	8.345.000	8.344.000	1.000	

Phụ lục II
TÀI SẢN HÌNH THÀNH SAU ĐẦU TƯ

Công trình: Tu bổ, nâng cấp Khu lưu niệm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công

(Kèm theo Quyết định số: 939/QĐ-UBND ngày 07 / 4 /2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

DVT: Đồng

STT	Tên và ký hiệu tài sản; Quy mô, công suất	ĐVT	Số lượng	Tổng nguyên giá
	Tổng tài sản			58.763.437.511
A	Tài sản ngắn hạn			441.731.698
I	Nhà đa năng			195.778.153
1	Ghế ngồi phòng tiếp khách	Cái	18	77.300.836
2	Ghế gỗ bọc nệm 10cm, tựa 5cm	Cái	80	118.477.317
II	Thư viện cộng đồng			183.589.485
1	Bàn ghế ngồi đọc tài liệu	Cái	48	183.589.485
III	Nhà trưng bày và tưởng niệm			9.931.010
1	Bàn B2 gỗ Gõ hoặc Lim hoặc tương đương sơn PU hoàn thiện (KT: 1860x800x1100), soi rãnh CNC	Bộ	1	9.931.010
IV	Trang trí khác			52.433.050
1	Chậu hoa trang trí	Chậu	3	4.428.694
2	Kệ dàn âm thanh (KT: 400x1600x600)	Kệ	1	6.575.939
3	Bục để tượng (KT: 500x700x200)	Bộ	4	13.151.878
4	Bàn đặt máy tính	Cái	4	18.412.630
5	Ghế ngồi cùng loại với ghế ngồi đọc tài liệu phòng thư viện cộng đồng	Cái	3	9.863.909
B	Tài sản dài hạn (cố định)			58.321.705.813
I	Phần xây dựng			
1	Nhà lưu niệm Diện tích xây dựng 102m ² , kiểu nhà truyền thống, ba gian hai chái; Kết cấu chịu lực bằng các cấu kiện gỗ, mái lợp ngói âm dương.	Nhà	1	1.568.018.084

2	Nhà trung bày Diện tích xây dựng 118m ² , kiểu nhà truyền thống, ba gian hai chái; Kết cấu chịu lực bằng các cấu kiện bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương.	Nhà	1	2.698.431.165
3	Nhà ngang Diện tích xây dựng 42m ² ; Kết cấu chịu lực bằng các cấu kiện bằng gỗ và mái lợp ngói âm	Nhà	1	640.341.706
4	Nhà vệ sinh Diện tích xây dựng 9m ² ; Giải pháp cải tạo: Thay thế trang thiết bị, quét vôi, ốp gạch tường trong nhà vệ sinh.	Nhà	1	26.692.278
5	Cổng, sân bê tông, lối đi, tường rào Cải tạo theo kiểu cổng nhà truyền thống tại vị trí hiện trạng; Kết cấu gỗ, mái lợp ngói âm dương. Tổng diện tích sân bê tông là 1.443m ² ; Giải pháp cải tạo: Lát đá xanh, gạch lá men, tô đá mài, bê tông trồng cỏ xen kẽ. Tổng chiều dài tường rào là 310m; Giải pháp cải tạo: Thay thế các trụ bê tông và dây kẽm gai bị hỏng, trồng bổ sung cây chè tàu theo kích thước rộng	Toàn bộ	1	3.276.192.692
6	Hạ tầng kỹ thuật Đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng.	Toàn bộ	1	133.127.315
7	Nhà đa năng Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 656m ² , chiều cao tối đa 6,7m; Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn BTCT M200, sơn giả gỗ, mái dán nền lát gạch đất nung;	Nhà	1	8.640.344.665
8	Nhà trung bày & tưởng niệm Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 456m ² , thiết kế theo kiểu kiến trúc dân gian 3 gian 2 chái kép; Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn BTCT M200, sơn giả gỗ, mái dán ngói, nền lát gạch đất nung; Cửa đi – cửa sổ bằng gỗ; Tường xây gạch, hoàn thiện sơn vôi toàn nhà; Hệ thống điện,	Nhà	1	6.495.808.948
9	Thư viện cộng đồng Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng 197m ² ; Thiết kế theo kiểu kiến trúc nhà 5 gian 2 chái; Kết cấu: Móng, cột, dầm, sàn BTCT M200, sơn giả gỗ, mái dán ngói;	Nhà	1	3.155.730.112
10	Cổng chính, sân vườn, tường rào Kích thước cổng 10,5m ² (7x1,5)m, cao 5m; Tổng diện tích trồng cây: 3.311m ² ; Trồng cây lâu năm, có tán lớn quang hàng rào; Sân vườn trồng thảm cỏ; Trồng xen cây cau vua dọc lối vào chính Tổng chiều dài tường rào là 359m; Hàng rào chè tàu kết hợp trụ bê tông giăng thép gai.	Toàn bộ	1	8.469.250.593
11	Bãi đỗ xe Tổng diện tích 2.983m ² , trong đó diện tích đỗ xe 1.486m ² , diện tích còn lại trồng cây xanh.	Toàn bộ	1	1.612.556.161

12	Nhà vệ sinh bãi đỗ xe Diện tích diện tích xây 190m ² , nhà 01 tầng; Kết cấu: móng, trụ, dầm, giằng, sàn mái BTCT đá 1x2 M200; mái lợp ngói trên sàn BTCT	Nhà	1	950.318.508
13	Bể nước ngầm	Toàn bộ	1	448.471.923
14	Nhà đặt trạm bơm	Nhà	1	83.215.404
15	Công phụ	Toàn bộ	1	78.106.549
16	Hạ tầng kỹ thuật Hệ thống cấp thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng bảo vệ và chiếu sáng nội thất công trình	Toàn bộ	1	4.164.383.062
17	Đường bê tông nhựa Tuyến đi bộ phục vụ tham quan với chiều dài tuyến 890,28 m, bề rộng nền đường Bn=3,5m (phần mặt rộng 2,5m, lề 0,5m x 2). Hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng	Công trình	1	15.555.865.254
II Phần thiết bị				
II.1 Nhà đa năng				
1	Cung cấp và lắp đặt bàn tiếp khách (KT:2400x3600x750)	Bộ	1	38.918.824
2	Tranh treo tường	Cái	1	19.862.020
II.2 Thư viện cộng đồng				
1	Bàn B1 (KT: 900x1800x750) + tấm kính thường (KT:900x1800), dày 8ly	Bộ	8	114.877.631
II.3 Nhà trưng bày và tưởng niệm				
1	Bàn B1 gỗ Gõ hoặc Lim hoặc tương đương sơn PU hoàn thiện (KT: 2460x1000x1500), soi rãnh CNC	Bộ	1	10.602.024
II.4 Trang trí khác				
1	Máy chiếu Panasonic + màn chiếu + phụ kiện	Bộ	1	26.169.554
2	Tivi LG 65in	Cái	1	39.455.635
3	Dàn âm thanh	Bộ	1	13.151.878
4	Máy tính bàn	Bộ	2	28.934.132
5	Điều hòa 24000BTU phòng chiếu phim	Bộ	1	32.879.696